

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1603/QĐ-UBND

*Bình Thuận, ngày 26 tháng 6 năm 2019*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định 10/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Bình Thuận về ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công thương,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ mục I Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, bị bãi bỏ trong lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công thương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Hai**

## Phụ lục

# DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG, UBND CẤP HUYỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận)

## PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### 1. Danh mục Thủ tục hành chính ban hành mới thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (03 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1		Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do UBND cấp huyện thực hiện	05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp huyện - Cơ quan giải quyết: UBND cấp huyện	Theo Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm và Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 279/2016/TT-BCT - Thẩm định cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000 đồng/ lần/ cơ sở	- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công thương; - Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND 22/4/2019 của UBND tỉnh Bình Thuận.

2		<p>Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do UBND cấp huyện thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.</li> <li>- Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”.</li> <li>- Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.</li> <li>- Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp huyện;</li> <li>- Cơ quan giải quyết: UBND cấp huyện.</li> </ul>	<p>Theo Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm và Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 279/2016/TT-BCT.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Phí thẩm định: không</li> <li>- Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thẩm định cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000 đồng/lần/ cơ sở;</li> <li>- Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: <ul style="list-style-type: none"> <li>Phí thẩm định: Không</li> </ul> </li> </ul> </li> <li>- Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công thương;</li> <li>- Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND 22/4/2019 của UBND tỉnh Bình Thuận.</li> </ul>
---	--	--	--	--	--	---

			bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.		sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Phí thẩm định: Không	
3		Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý ngành công thương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp nhận, thông báo hồ sơ hợp lệ và thời gian kiểm tra kiến thức: 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ);</li> <li>- Cấp Giấy xác nhận kiến thức ATTP: 03 ngày làm việc (kể từ ngày tổ chức kiểm tra kiến thức đối với những người đã đạt trên 80% số câu trả lời đúng).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp huyện;</li> <li>- Cơ quan giải quyết: UBND cấp huyện.</li> </ul>	<p>Theo Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm và Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 279/2016/TT-BCT.</p> <p>Phí thẩm định xác nhận kiến thức ATTP: 30.000 đồng/ người.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Bộ Công Thương;</li> <li>- Theo Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND 22/4/2019 của UBND tỉnh Bình Thuận.</li> </ul>

## 2. Danh mục Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương (02 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung TTHC
1	BCT-BTN-275440	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công thương thực hiện	- Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND tỉnh Bình Thuận ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Thuận
2	BCT-BTN-275441	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công thương thực hiện	- Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND tỉnh Bình Thuận ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

## **PHẦN II: NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

### **I. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương (02 TTHC)**

#### **1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công thương thực hiện**

##### **1.1. Trình tự thực hiện:**

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương đăng ký hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm với Cơ quan cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (sau đây gọi là Cơ quan cấp Giấy chứng nhận);

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công thương nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho Cơ quan cấp Giấy chứng nhận

- Thủ tục, quy trình cấp Giấy chứng nhận.

+ Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ. Quá 30 ngày kể từ ngày thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi thì hồ sơ không còn giá trị.

+ Thành lập Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở:

Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cấp trên ủy quyền thẩm định thực tế tại cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền cấp dưới phải có văn bản ủy quyền. Sau khi thẩm định, cơ quan có thẩm quyền cấp dưới phải gửi Biên bản thẩm định về cho cơ quan thẩm quyền cấp trên để làm căn cứ cấp Giấy chứng nhận.

Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoặc cơ quan được ủy quyền thẩm định ban hành quyết định thành lập. Đoàn thẩm định gồm từ 03 đến 05 thành viên, trong đó phải có ít nhất 02 thành viên làm công tác chuyên môn về thực phẩm hoặc an toàn thực phẩm (có bằng cấp về thực phẩm hoặc an toàn

thực phẩm) hoặc quản lý về an toàn thực phẩm (đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở được mời chuyên gia độc lập có chuyên môn phù hợp tham gia). Trưởng đoàn thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở.

+ Nội dung thẩm định thực tế tại cơ sở:

Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận gửi cơ quan có thẩm quyền với hồ sơ gốc lưu tại cơ sở; Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở theo quy định.

+ Kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở:

Kết quả thẩm định phải ghi rõ “Đạt” hoặc “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” vào Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm;

Trường hợp “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” phải ghi rõ lý do trong Biên bản thẩm định. Trường hợp “Chờ hoàn thiện”, thời hạn khắc phục tối đa là 60 ngày. Sau khi đã khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục và nộp phí thẩm định về cơ quan có thẩm quyền để tổ chức thẩm định lại. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 10 ngày làm việc tính từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận được báo cáo khắc phục. Sau 60 ngày cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục thì hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và kết quả thẩm định trước đó với kết luận “Chờ hoàn thiện” không còn giá trị;

Nếu kết quả thẩm định lại “Không đạt” hoặc quá thời hạn khắc phục mà cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý địa phương để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận;

Biên bản thẩm định thực tế tại cơ sở được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, Đoàn thẩm định giữ 01 bản và cơ sở giữ 01 bản.

+ Cấp Giấy chứng nhận: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở.

## **1.2. Cách thức thực hiện**

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công tỉnh – Quầy Sở Công thương, địa chỉ : 24 Nguyễn Tất Thành, Tp. Phan Thiết, Bình Thuận.

- Qua đường bưu điện;

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: [dichvucong.binhthuan.gov.vn](http://dichvucong.binhthuan.gov.vn)

## **1.3. Thành phần:**

Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm gồm:

- Đơn đề nghị;
- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Giấy xác nhận đủ sức khỏe/Danh sách tổng hợp xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);
- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm/Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở).

**1.4. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**1.5. Thời hạn giải quyết:** Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”.

**1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** *Cơ sở sản xuất, kinh doanh do tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư.*

**1.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công thương.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công thương.

**1.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

**1.9. Phí, lệ phí:** Theo Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm và Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 279/2016/TT-BCT.

- Thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/ lần/ cơ sở;
- Thẩm định cơ sở sản xuất khác: 2.500.000 đồng/ lần/ cơ sở;
- Thẩm định cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh: 3.500.000 đồng/lần/ cơ sở.

**1.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu 1a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công thương;



- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công thương;

- Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công thương.

### **1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

#### 1.11.1. Điều kiện chung:

Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương bao gồm: cơ sở sản xuất, kinh doanh các loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo.

#### 1.11.2. Điều kiện riêng

a) Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:

- Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm;
- Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm;
- Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.

b) Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật;

c) Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a mục này;

d) Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 8 và khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của

Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương theo quy định tại điểm a mục này.

**1.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công thương.
- Theo Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm và Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 279/2016/TT-BCT.
- *Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND 22/4/2019 của UBND tỉnh Bình Thuận ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.*

**\* Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung**

**Mẫu 1a**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT  
ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công thương)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

**Kính gửi: Sở Công thương Bình Thuận**

Cơ sở sản xuất, kinh doanh (tên giao dịch hợp pháp): .....

Địa điểm tại: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh (tên sản phẩm): .....

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho:

- Cơ sở sản xuất

- Cơ sở kinh doanh

- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh

- Chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm

(tên cơ sở).....

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

**Hồ sơ gửi kèm gồm:**

-  
-

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

(Ký tên, đóng dấu)

(1) : kèm theo Danh sách nhóm sản phẩm;

(2) : Đối với Chuỗi kinh doanh thực phẩm kèm theo danh sách cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi.

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KINH DOANH THUỘC CHUỖI**  
(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm)

STT	Tên cơ sở thuộc chuỗi	Địa chỉ	Thời hạn GCN	Ghi chú
1				
2				
3				

**DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM**

(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm và cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp)

STT	Tên nhóm sản phẩm	Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận
<b>I</b>	<b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế</b>	
1	Nước uống đóng chai	
2	Nước khoáng thiên nhiên	
3	Thực phẩm chức năng	
4	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	
5	Phụ gia thực phẩm	
6	Hương liệu thực phẩm	
7	Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
8	Đá thực phẩm (Nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	
9	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
<b>II</b>	<b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	
	Ngũ cốc	
	Thịt và các sản phẩm từ thịt	
	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)	
	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả	

	Trứng và các sản phẩm từ trứng	
	Sữa tươi nguyên liệu	
	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong	
	Thực phẩm biến đổi gen	
	Muối	
10	Gia vị	
11	Đường	
12	Chè	
13	Cà phê	
14	Ca cao	
15	Hạt tiêu	
16	Điêu	
17	Nông sản thực phẩm khác	
18	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
<b>III</b>	<b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương</b>	
	Bia	
	Rượu, Cồn và đồ uống có cồn	
	Nước giải khát	
	Sữa chế biến	
	Dầu thực vật	
	Bột, tinh bột	
	Bánh, mứt, kẹo	

**Mẫu 2a**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT  
ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công thương)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**BẢN THUYẾT MINH****CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM****I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất: .....
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác): .....
- Điện thoại: ..... Fax .....
- Mặt hàng sản xuất: .....
- Công suất thiết kế: .....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/ tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: .....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ****1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng sản xuất .....m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất: .....
- Kết cấu nhà xưởng: .....
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng: .....

**2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất**

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
<b>I</b>	<b>Trang thiết bị, dụng cụ hiện có</b>					
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
<b>II</b>	<b>Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung</b>					
1						
2						
3						

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định.

**Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày.....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu 2b**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT  
ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công thương)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN THUYẾT MINH****CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ KINH DOANH THỰC PHẨM****I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh: .....
- Điện thoại: ..... Fax .....
- Loại thực phẩm kinh doanh: .....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:.....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm):.....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ****1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng kinh doanh .....m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh: .....
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân: .....

**2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh**

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có					



1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm					
2	Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm					
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm					
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay					
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
6	Trang bị bảo hộ					
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát					
<b>II Trang, thiết bị dự kiến bổ sung</b>						
1						
2						
3						

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định.

#### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày.....tháng...năm 20....

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu 4**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công thương)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.... năm.....

**Kính gửi: Sở Công thương Bình Thuận**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC**

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp) .....

**I. Thông tin chung:**

1. Tên Cơ sở: .....
2. Địa chỉ Cơ sở: .....
3. Số điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

**II. Tóm tắt kết quả khắc phục:**

<b>TT</b>	<b>Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng.... năm .... của.....</b>	<b>Nguyên nhân sai lỗi</b>	<b>Biện pháp khắc phục</b>	<b>Kết quả</b>
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)

## **2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công thương thực hiện**

### **2.1. Trình tự thực hiện:**

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công thương đăng ký hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm với Cơ quan cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (sau đây gọi là Cơ quan cấp Giấy chứng nhận);

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công thương nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho Cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

- Trình tự thực hiện :

+ Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại. Trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực.

Thủ tục, quy trình cấp lại Giấy chứng nhận thực hiện tương tự trường hợp đề nghị cấp lần đầu.

+ Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại, trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại, trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **2.2. Cách thức thực hiện**

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công tỉnh – Quầy Sở Công thương, địa chỉ : 24 Nguyễn Tất Thành, Tp. Phan Thiết, Bình Thuận.

- Qua đường bưu điện ;

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: *dichvucong.binhthuan.gov.vn*

### **2.3 Thành phần hồ sơ**

**2.3.1. Trường hợp đề nghị cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng, hồ sơ gồm:**

- Đơn đề nghị cấp lại.

**2.3.2. Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực, hồ sơ gồm:**

- Đơn đề nghị cấp lại;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Giấy xác nhận đủ sức khỏe/Danh sách tổng hợp xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm/Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở).

**2.3.3. Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh, hồ sơ gồm:**

- Đơn đề nghị cấp lại;

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở).

**2.3.4. Trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh, hồ sơ gồm:**

- Đơn đề nghị cấp lại;

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

- Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm/Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở (bản sao có xác nhận của cơ sở).

#### **2.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

#### **2.5. Thời hạn giải quyết:**

2.5.1. Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng

Trong thời hạn **03** ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.

2.5.2. Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực.

Trong vòng **05** ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”.

2.5.3. Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh.

Trong thời hạn **03** ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.

2.5.4. Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh.

Trong thời hạn **03** ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.

#### **2.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

*Cơ sở sản xuất, kinh doanh do tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư*

#### **2.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công thương;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công thương.

**2.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

**2.9. Phí, lệ phí:** Theo Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm và Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 279/2016/TT-BCT.

- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Phí thẩm định: không;
- Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực:
  - + Thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở;
  - + Thẩm định cơ sở sản xuất khác: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở;
  - + Thẩm định cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh: 3.500.000 đồng/lần/cơ sở.
- Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Phí thẩm định: Không;
- Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Phí thẩm định: Không.

### **2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu 1b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;
- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;
- Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.

### **2.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

#### **2.11.1. Điều kiện chung**

Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương bao gồm: cơ sở sản xuất, kinh doanh các loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo.

#### **2.11.2. Điều kiện riêng**

a) Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:

- Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm;

- Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm;
- Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.

b) Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật;

c) Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a mục này;

d) Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 8 và khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm a mục này.

## **2.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công thương.
- Theo Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm và Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 279/2016/TT-BCT.
- *Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND 22/4/2019 của UBND tỉnh Bình Thuận ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.*

**\* Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.**

Mẫu số 01b

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

*Địa danh, ngày ...tháng ... năm 20 ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi: *(tên cơ quan có thẩm quyền cấp)* .....

Tên cơ sở .....đề nghị Quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số ..... ngày cấp  
.....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận *(ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này)*:

.....  
.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN THUYẾT MINH****CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM****I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất: .....
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác): .....
- Điện thoại: ..... Fax .....
- Mặt hàng sản xuất: .....
- Công suất thiết kế: .....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/ tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: .....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ****1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng sản xuất .....m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất: .....
- Kết cấu nhà xưởng: .....
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng: .....

**2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất**

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
<b>I</b>	<b>Trang thiết bị, dụng cụ hiện có</b>					
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					

2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
<b>II Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung</b>						
1						
2						
3						

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định

#### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KINH DOANH THUỘC CHUỖI**  
*(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm)*

<b>STT</b>	<b>Tên cơ sở thuộc chuỗi</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Thời hạn GCN</b>	<b>Ghi chú</b>
1				
2				
3				

**DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM**

*(Kèm theo mẫu đơn đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm và cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp)*

<b>STT</b>	<b>Tên nhóm sản phẩm</b>	<b>Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận</b>
<b>I</b>	<b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế</b>	
1	Nước uống đóng chai	
2	Nước khoáng thiên nhiên	
3	Thực phẩm chức năng	
4	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	
5	Phụ gia thực phẩm	
6	Hương liệu thực phẩm	
7	Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
8	Đá thực phẩm (Nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	
9	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
<b>II</b>	<b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	
1	Ngũ cốc	
2	Thịt và các sản phẩm từ thịt	
3	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)	
4	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả	
5	Trứng và các sản phẩm từ trứng	
6	Sữa tươi nguyên liệu	
7	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong	
8	Thực phẩm biến đổi gen	
9	Muối	
10	Gia vị	
11	Đường	
12	Chè	

13	Cà phê	
14	Ca cao	
15	Hạt tiêu	
16	Điều	
17	Nông sản thực phẩm khác	
18	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
<b>III</b>	<b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương</b>	
1	Bia	
2	Rượu, Cồn và đồ uống có cồn	
3	Nước giải khát	
4	Sữa chế biến	
5	Dầu thực vật	
6	Bột, tinh bột	
7	Bánh, mứt, kẹo	

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**BẢN THUYẾT MINH**

**CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ KINH DOANH THỰC PHẨM**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh: .....
- Điện thoại: ..... Fax .....
- Loại thực phẩm kinh doanh: .....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:.....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (*đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm*):.....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**

**1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng kinh doanh .....m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh: .....
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân: .....

**2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh**

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
<b>I</b>	<b>Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có</b>					
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm					

2	Thiết bị, dụng cụ trung bày sản phẩm					
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm					
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay					
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
6	Trang bị bảo hộ					
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát					
<b>II Trang, thiết bị dự kiến bổ sung</b>						
1						
2						
3						

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định

#### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 04

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC**

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp) .....

**I. Thông tin chung:**

1. Tên Cơ sở: .....
2. Địa chỉ Cơ sở: .....
3. Số điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

**II. Tóm tắt kết quả khắc phục:**

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng... năm .... của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

(Ký tên, đóng dấu)



## **II. Thủ tục hành chính cấp huyện (03 TTHC)**

### **1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do UBND cấp huyện thực hiện**

#### **1.1. Trình tự thực hiện:**

- Các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công thương nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

- Thủ tục, quy trình cấp Giấy chứng nhận.

+ Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ. Quá 30 ngày kể từ ngày thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi thì hồ sơ không còn giá trị.

+ Thành lập Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở:

Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cấp trên ủy quyền thẩm định thực tế tại cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền cấp dưới phải có văn bản ủy quyền. Sau khi thẩm định, cơ quan có thẩm quyền cấp dưới phải gửi Biên bản thẩm định về cho cơ quan thẩm quyền cấp trên để làm căn cứ cấp Giấy chứng nhận.

Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoặc cơ quan được ủy quyền thẩm định ban hành quyết định thành lập. Đoàn thẩm định gồm từ 03 đến 05 thành viên, trong đó phải có ít nhất 02 thành viên làm công tác chuyên môn về thực phẩm hoặc an toàn thực phẩm (có bằng cấp về thực phẩm hoặc an toàn thực phẩm) hoặc quản lý về an toàn thực phẩm (đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở được mời chuyên gia độc lập có chuyên môn phù hợp tham gia). Trưởng đoàn thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở.

+ Nội dung thẩm định thực tế tại cơ sở:

Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận gửi cơ quan có thẩm quyền với hồ sơ gốc lưu tại cơ sở; Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở theo quy định.

+ Kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở:

Kết quả thẩm định phải ghi rõ “Đạt” hoặc “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” vào Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm;

Trường hợp “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” phải ghi rõ lý do trong Biên bản thẩm định. Trường hợp “Chờ hoàn thiện”, thời hạn khắc phục tối đa là 60 ngày. Sau khi đã khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục và nộp phí thẩm định về cơ quan có thẩm quyền để tổ chức thẩm định lại. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 10 ngày làm việc tính từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận được báo cáo khắc phục. Sau 60 ngày cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục thì hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và kết quả thẩm định trước đó với kết luận “Chờ hoàn thiện” không còn giá trị;

Nếu kết quả thẩm định lại “Không đạt” hoặc quá thời hạn khắc phục mà cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý địa phương để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận;

Biên bản thẩm định thực tế tại cơ sở được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, Đoàn thẩm định giữ 01 bản và cơ sở giữ 01 bản.

+ Cấp Giấy chứng nhận:

Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở.

### **1.2. Cách thức thực hiện**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện;
- Qua đường bưu điện;
- Nộp trực tuyến (nếu có).

### **1.3. Thành phần:**

Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu 1a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Giấy xác nhận đủ sức khỏe/Danh sách tổng hợp xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm/Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở).

**1.4. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**1.5. Thời hạn giải quyết:** Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”.

**1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cơ sở sản xuất thực phẩm không được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

**1.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp huyện;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

**1.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

**1.9. Phí, lệ phí:** Theo Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm và Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 279/2016/TT-BCT.

- Thẩm định cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000 đồng/ lần/ cơ sở.

**1.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu 1a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công thương;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công thương;

- Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công thương.

**1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

## 1.11.1. Điều kiện chung

Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương bao gồm: cơ sở sản xuất, kinh doanh các loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo.

## 1.11.2. Điều kiện riêng

Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:

- Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm;
- Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm;
- Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.

**1.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công thương.
- Theo Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm và Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 279/2016/TT-BCT.
- Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND 22/4/2019 của UBND tỉnh Bình Thuận ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Mẫu số 01a

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Bình Thuận, ngày tháng năm 2019

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm****Kính gửi:** .....Cơ sở sản xuất, kinh doanh (*tên giao dịch hợp pháp*): .....

.....

Địa điểm tại: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh (*tên sản phẩm*): .....

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho:

- Cơ sở sản xuất
- Cơ sở kinh doanh
- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh
- Chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm

.....

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ***(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 02a

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**BẢN THUYẾT MINH****CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM****I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất: .....
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác): .....
- Điện thoại: ..... Fax .....
- Mặt hàng sản xuất: .....
- Công suất thiết kế: .....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/ tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: .....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ****1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng sản xuất .....m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất: .....
- Kết cấu nhà xưởng: .....
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng: .....

**2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất**

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ hiện có					

1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
<b>II</b>	<b>Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung</b>					
1						
2						
3						

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định

#### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày....tháng.....năm 20

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

(ký tên, đóng dấu)

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KINH DOANH THUỘC CHUỖI**  
*(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm)*

<b>STT</b>	<b>Tên cơ sở thuộc chuỗi</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Thời hạn GCN</b>	<b>Ghi chú</b>
1				
2				
3				



**DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM**

*(Kèm theo mẫu đơn đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm và cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp)*

<b>STT</b>	<b>Tên nhóm sản phẩm</b>	<b>Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận</b>
<b>I</b>	<b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế</b>	
1	Nước uống đóng chai	
2	Nước khoáng thiên nhiên	
3	Thực phẩm chức năng	
4	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	
5	Phụ gia thực phẩm	
6	Hương liệu thực phẩm	
7	Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
8	Đá thực phẩm (Nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	
9	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
<b>II</b>	<b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	
1	Ngũ cốc	
2	Thịt và các sản phẩm từ thịt	
3	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)	
4	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả	
5	Trứng và các sản phẩm từ trứng	
6	Sữa tươi nguyên liệu	
7	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong	
8	Thực phẩm biến đổi gen	
9	Muối	
10	Gia vị	
11	Đường	
12	Chè	

13	Cà phê	
14	Ca cao	
15	Hạt tiêu	
16	Điêu	
17	Nông sản thực phẩm khác	
18	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
<b>III</b>	<b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương</b>	
1	Bia	
2	Rượu, Cồn và đồ uống có cồn	
3	Nước giải khát	
4	Sữa chế biến	
5	Dầu thực vật	
6	Bột, tinh bột	
7	Bánh, mứt, kẹo	

Mẫu số 02b

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN THUYẾT MINH****CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ****KINH DOANH THỰC PHẨM****I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....

- Địa chỉ văn phòng: .....

- Địa chỉ cơ sở kinh doanh: .....

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
<b>I</b>	<b>Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có</b>					
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm					
2	Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm					
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm					
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay					
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
6	Trang bị bảo hộ					
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát					
<b>II</b>	<b>Trang, thiết bị dự kiến bổ sung</b>					
1						
2						
3						

- Điện thoại: ..... Fax .....

- Loại thực phẩm kinh doanh: .....

- Tổng số công nhân viên: .....

- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh: .....

- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:.....

- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....

- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (*đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm*):.....

## **II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**

### **1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng kinh doanh .....m<sup>2</sup>

- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh: .....

- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL: .....

- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân: .....

### **2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh**

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định.

### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu 4**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT-BCT  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công thương)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.... năm.....

**Kính gửi: Sở Công Thương Bình Thuận**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC**

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp) .....

**I. Thông tin chung:**

1. Tên Cơ sở: .....
2. Địa chỉ Cơ sở: .....
3. Số điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

**II. Tóm tắt kết quả khắc phục:**

<b>TT</b>	<b>Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng... năm .... của.....</b>	<b>Nguyên nhân sai lỗi</b>	<b>Biện pháp khắc phục</b>	<b>Kết quả</b>
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

(Ký tên, đóng dấu)

## **2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do UBND cấp huyện thực hiện**

### **2.1. Trình tự thực hiện:**

Các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công thương nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

- Trình tự thực hiện :

+ Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại. Trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực.

Thủ tục, quy trình cấp lại Giấy chứng nhận thực hiện tương tự trường hợp đề nghị cấp lần đầu.

+ Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại, trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại, trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **2.2. Cách thức thực hiện**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện ;
- Qua đường bưu điện;
- Nộp trực tuyến (nếu có).

### **2.3 Thành phần hồ sơ**

**2.3.1. Trường hợp đề nghị cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng, hồ sơ gồm:**

- Đơn đề nghị cấp lại.

**2.3.2. Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực, hồ sơ gồm:**

- Đơn đề nghị cấp lại;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Giấy xác nhận đủ sức khỏe/Danh sách tổng hợp xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm/Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở).

**2.3.3. Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh, hồ sơ gồm:**

- Đơn đề nghị cấp lại;

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở).

**2.3.4. Trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh, hồ sơ gồm:**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu 1b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT;

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

- Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm/Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở (bản sao có xác nhận của cơ sở).

**2.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ****2.5. Thời hạn giải quyết:**

2.5.1. Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng.

Trong thời hạn **03** ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.

2.5.2. Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực.

Trong vòng **05** ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”.

2.5.3. Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh.

Trong thời hạn **03** ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.

2.5.4. Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh.

Trong thời hạn **03** ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.

**2.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cơ sở sản xuất thực phẩm không được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

**2.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp huyện.

**2.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

**2.9. Phí, lệ phí:** Theo Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm và Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 279/2016/TT-BCT.

- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Phí thẩm định: không;

- Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực:

+ Thẩm định cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000 đồng/ lần/ cơ sở.



- Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Phí thẩm định: Không;

- Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Phí thẩm định: Không.

### **2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu 1b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công thương;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công thương;

- Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công thương.

### **2.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

#### **2.11.1. Điều kiện chung:**

Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương bao gồm: cơ sở sản xuất, kinh doanh các loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo.

#### **2.11.2. Điều kiện riêng:**

Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:

- Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm;
- Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm;
- Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.

**2. 12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công thương.
- Theo Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm và Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 279/2016/TT-BTC.
- Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND 22/4/2019 của UBND tỉnh Bình Thuận ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Mẫu số 01b

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

*Địa danh, ngày ...tháng ... năm 20 ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi: *(tên cơ quan có thẩm quyền cấp)* .....

Tên cơ sở .....đề nghị Quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số ..... ngày cấp .....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận *(ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này)*:

.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 2a

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN THUYẾT MINH****CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM****I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất: .....
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác): .....
- Điện thoại: ..... Fax .....
- Mặt hàng sản xuất: .....
- Công suất thiết kế: .....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/ tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: .....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ****1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng sản xuất .....m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất: .....
- Kết cấu nhà xưởng: .....
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng: .....

**2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất**

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ hiện có					

1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
<b>II Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung</b>						
1						
2						
3						

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định

#### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KINH DOANH THUỘC CHUỖI**  
*(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm)*

<b>STT</b>	<b>Tên cơ sở thuộc chuỗi</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Thời hạn GCN</b>	<b>Ghi chú</b>
1				
2				
3				

**DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM**

(Kèm theo mẫu đơn đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm và cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp)

<b>STT</b>	<b>Tên nhóm sản phẩm</b>	<b>Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận</b>
<b>I</b>	<b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế</b>	
1	Nước uống đóng chai	
2	Nước khoáng thiên nhiên	
3	Thực phẩm chức năng	
4	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	
5	Phụ gia thực phẩm	
6	Hương liệu thực phẩm	
7	Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
8	Đá thực phẩm (Nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	
9	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
<b>II</b>	<b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	
1	Ngũ cốc	
2	Thịt và các sản phẩm từ thịt	
3	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)	
4	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả	
5	Trứng và các sản phẩm từ trứng	
6	Sữa tươi nguyên liệu	
7	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong	
8	Thực phẩm biến đổi gen	
9	Muối	
10	Gia vị	
11	Đường	

12	Chè	
13	Cà phê	
14	Ca cao	
15	Hạt tiêu	
16	Điêu	
17	Nông sản thực phẩm khác	
18	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
<b>III</b>	<b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương</b>	
1	Bia	
2	Rượu, Cồn và đồ uống có cồn	
3	Nước giải khát	
4	Sữa chế biến	
5	Dầu thực vật	
6	Bột, tinh bột	
7	Bánh, mứt, kẹo	



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**BẢN THUYẾT MINH**

**CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ KINH DOANH THỰC PHẨM**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh: .....
- Điện thoại: ..... Fax .....
- Loại thực phẩm kinh doanh: .....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:.....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (*đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm*):.....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**

**1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng kinh doanh .....m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh: .....
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân: .....

**2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh**

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
<b>I</b>	<b>Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có</b>					
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm					

2	Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm					
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm					
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay					
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
6	Trang bị bảo hộ					
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát					
<b>II</b>	<b>Trang, thiết bị dự kiến bổ sung</b>					
1						
2						
3						

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định.

#### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu 4**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT-BCT  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công thương)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.... năm.....

**Kính gửi: Sở Công Thương Bình Thuận**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC**

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp) .....

**I. Thông tin chung:**

1. Tên Cơ sở: .....
2. Địa chỉ Cơ sở: .....
3. Số điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

**II. Tóm tắt kết quả khắc phục:**

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng.... năm .... của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

(Ký tên, đóng dấu)

### **3. Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý ngành công thương**

#### **3.1. Trình tự thực hiện**

- Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm gửi 01 bộ hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả cấp huyện;

- Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp huyện lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian, địa điểm tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức/cá nhân.

- Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm tra, đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức/cá nhân đạt yêu cầu (đã trả lời đúng trên 80% câu hỏi ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành trong bài kiểm tra kiến thức về ATTP).

#### **3.2. Cách thức thực hiện**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện
- Qua đường bưu điện ;
- Nộp trực tuyến (nếu có).

#### **3.3. Thành phần hồ sơ :**

a) Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (theo Mẫu số 01a tại Phụ lục 4 Thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT);

b) Bản sao Giấy Chứng minh thư nhân dân;

c) Danh sách đề nghị kiểm tra để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (theo Mẫu số 01b tại Phụ lục 4 Thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT);

d) Bản sao (có đóng dấu xác nhận của tổ chức xin cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm): Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã;

e) Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí;

**\*Ghi chú:** Mục c và d áp dụng cho các tập thể, không áp dụng cho cá nhân.

#### **3.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

**3.5. Thời hạn giải quyết:**

- Tiếp nhận, thông báo hồ sơ hợp lệ và thời gian kiểm tra kiến thức: 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ);

- Cấp Giấy xác nhận kiến thức ATTP: 03 ngày làm việc (kể từ ngày tổ chức kiểm tra kiến thức đối với những người đã đạt trên 80% số câu trả lời đúng).

**3.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm không được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

**3.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp huyện;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

**3.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

**3.9. Phí, lệ phí:** Theo Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm và Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 279/2016/TT-BCT.

Phí thẩm định xác nhận kiến thức ATTP: 30.000 đồng/ người.

**3.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (theo Mẫu số 01a tại Phụ lục 4 Thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT);

- Danh sách đề nghị kiểm tra để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (theo Mẫu số 01b tại Phụ lục 4 Thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT);

**3.11. Yêu cầu điều kiện:**

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm chỉ cấp cho những người đã trả lời đúng từ 80% tổng số câu hỏi (gồm các câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành) trở lên.

- Nội dung kiến thức về an toàn thực phẩm bao gồm kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm, trong đó:

+ Kiến thức chung về an toàn thực phẩm gồm: Các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm; các mối nguy an toàn thực phẩm; điều kiện an toàn thực phẩm; phương pháp bảo đảm an toàn thực phẩm; thực hành tốt an toàn thực phẩm.

+ Kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm gồm: Các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương.

**3.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;
- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Bộ Công thương.
- Theo Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
- Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND 22/4/2019 của UBND tỉnh Bình Thuận ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

**Mẫu số 01a - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm**

Kính gửi: ..... (cơ quan có thẩm quyền xác nhận kiến thức về ATTP)(1)

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân .....

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số....., cấp ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....

Địa chỉ:....., Số điện thoại.....

Số Fax.....E-mail.....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Bộ Công thương ban hành, chúng tôi / Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của Bộ Công thương ban hành.

(danh sách (2) gửi kèm theo- Mẫu số 01b).

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện Tổ chức/cá nhân**

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu) (3)

**\*Ghi chú:**

- (1): Ghi tên cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận kiến thức ATTP do Bộ Công thương chỉ định/ Sở Công thương/UBND cấp huyện)
- (2): Áp dụng cho các tập thể, không áp dụng cho cá nhân.
- (3): Cá nhân chỉ ký và ghi rõ họ, tên.

